CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	64,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.1%	**2.9%**	**-**

DT thuần
Q3/25
351
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00| -1.4%
YoY: ▼29.0| -7.7%

LN thuần
Q3/25
55.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.2| -31.2%
YoY: ▼35.3| -38.8%

LN sau thuế
Q3/25
43.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.1| -31.8%
YoY: ▼29.8| -40.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
16.0%
YoY: +/-▼ 6.8%

ROE (TTM)
Q3/25
19.9%
YoY: +/-▼ 3.6%

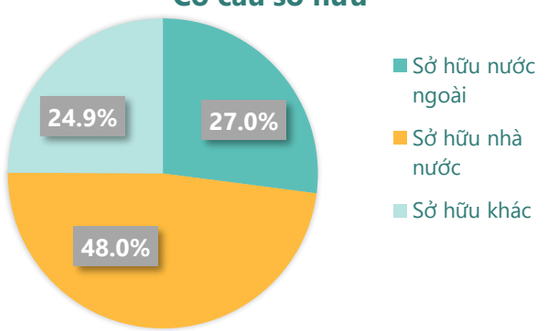
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	60,558 - 98,143
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,167
Số lượng CPLH (CP)	33,498,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,810
Sở hữu nước ngoài	27.0%
Beta	0.77
EPS	7,237
P/E	8.9

DT thuần
9T 2025
1,125
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -0.3%

LN thuần
9T 2025
234
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.0| -10.2%

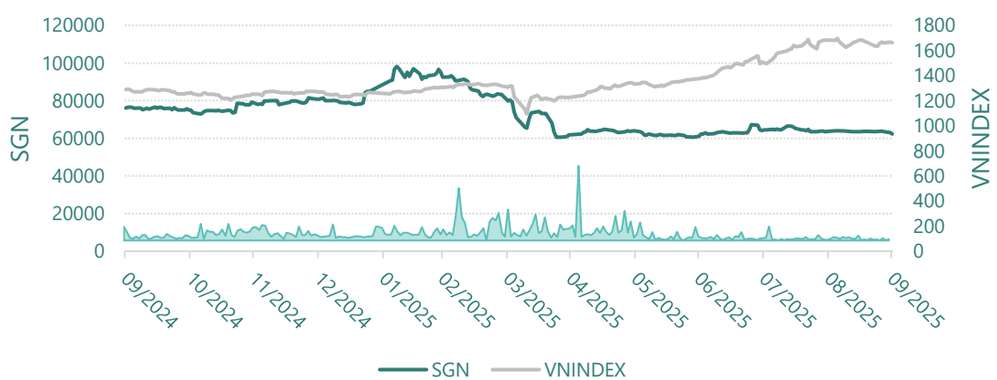
LN sau thuế
9T 2025
185
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0| -11.9%

Cơ cấu sở hữu

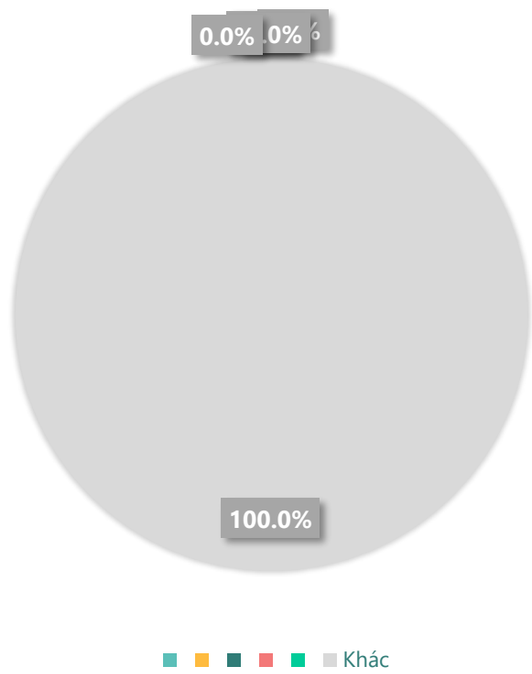


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



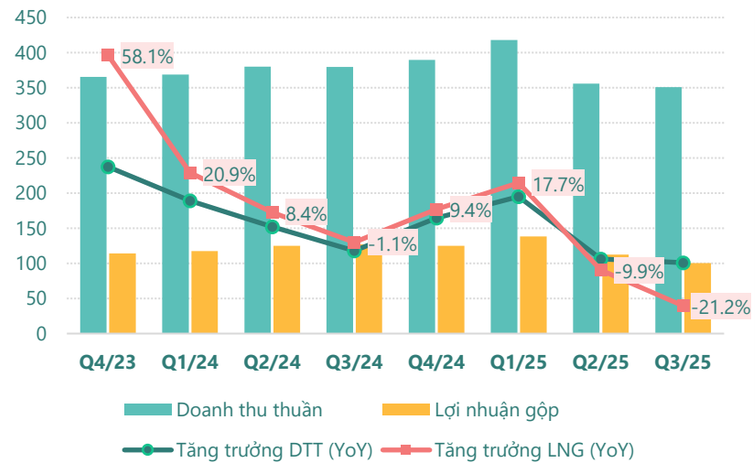
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

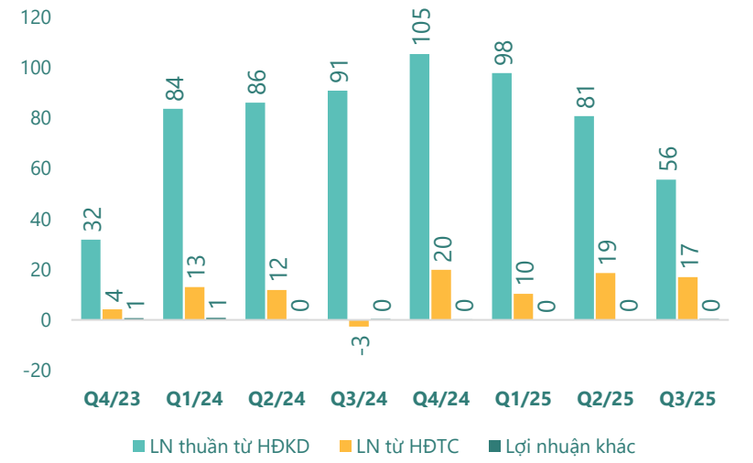
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



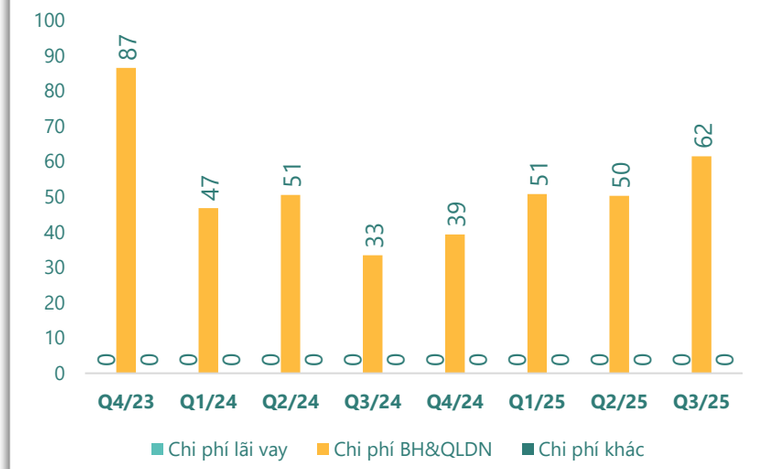
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



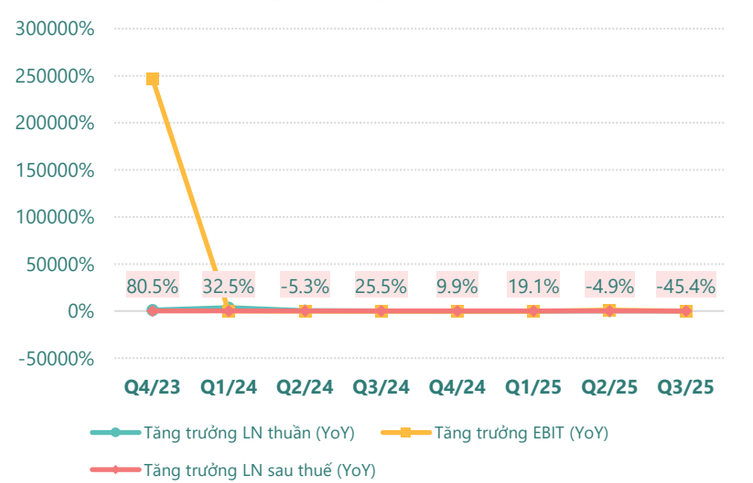
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



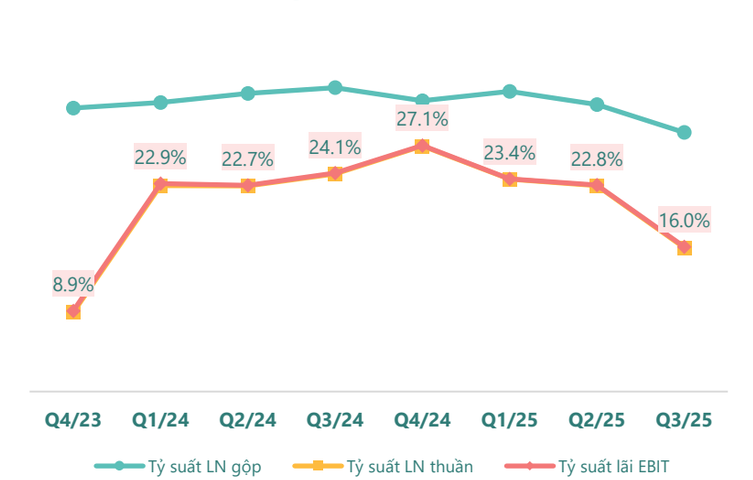
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



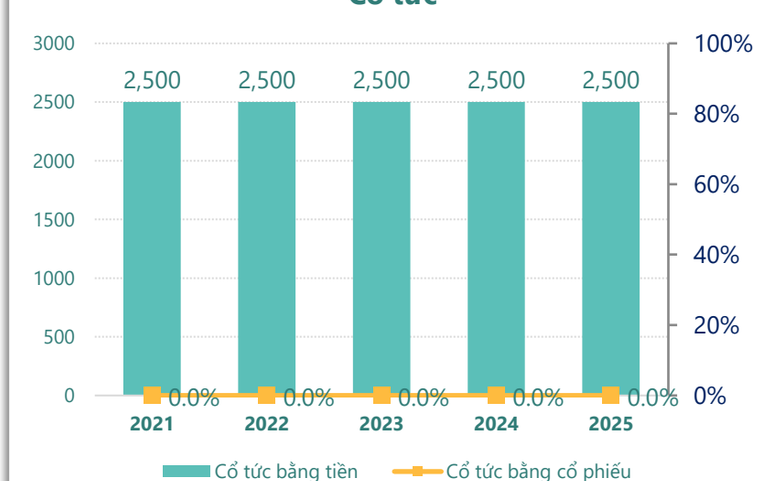
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

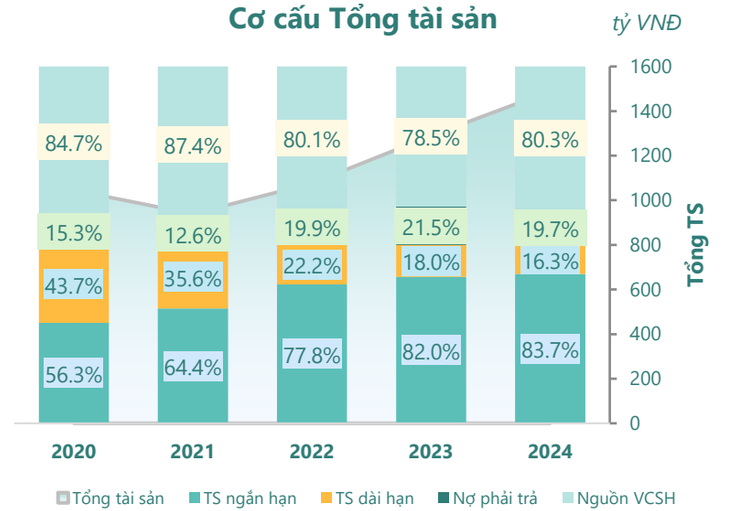
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

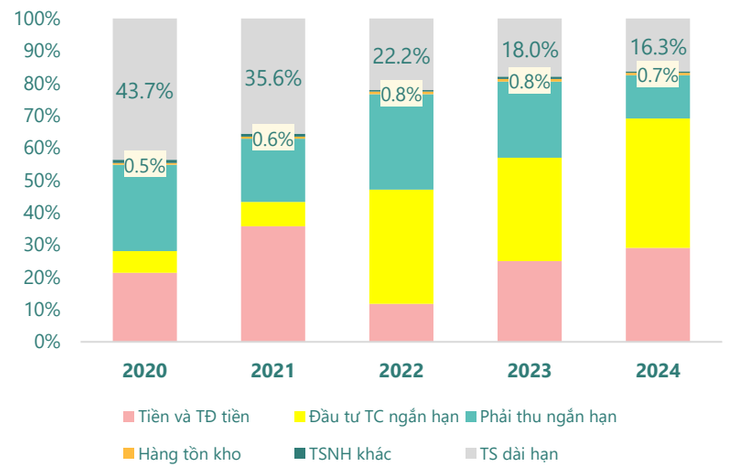
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



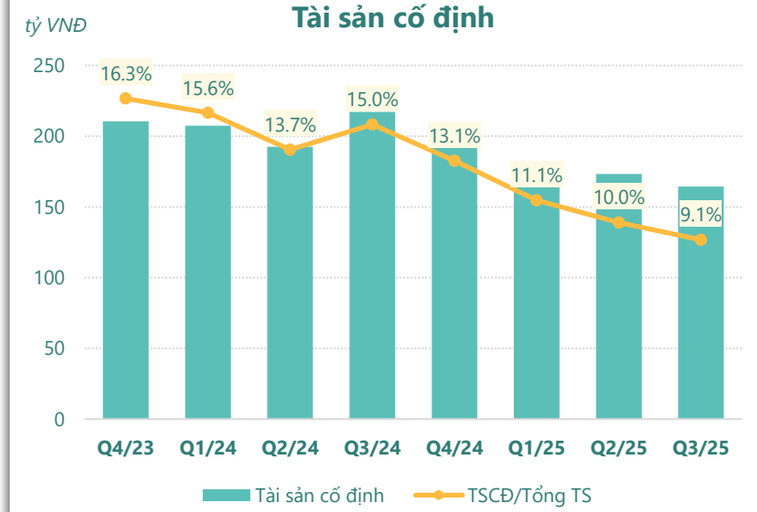
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



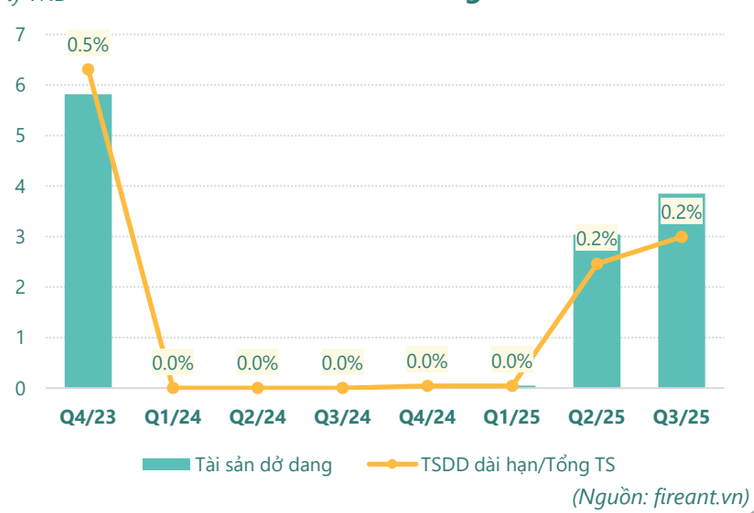
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



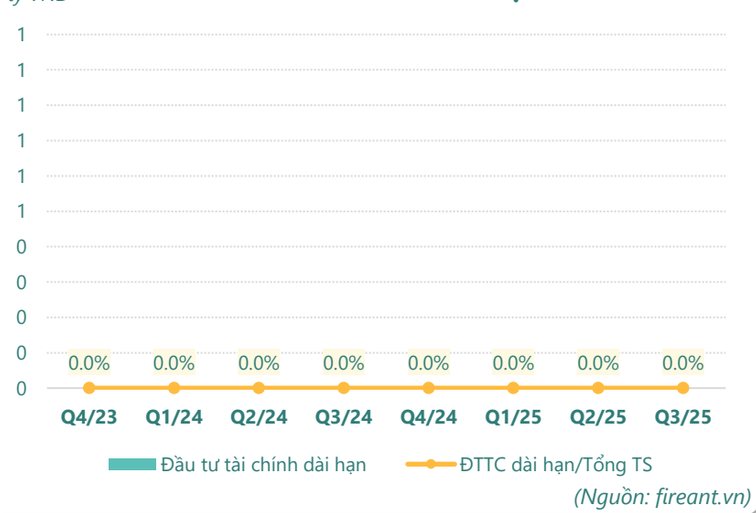
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



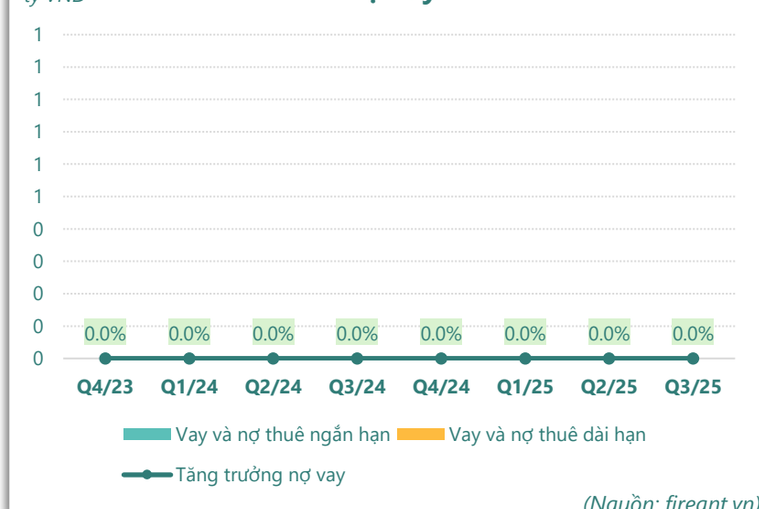
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

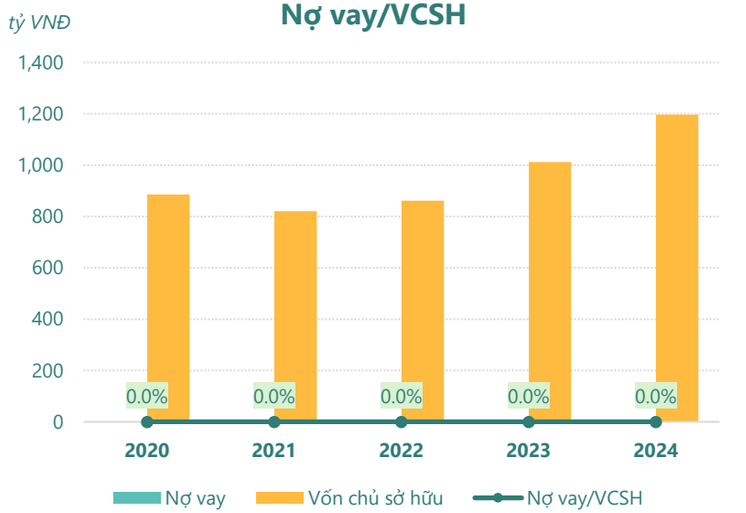
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

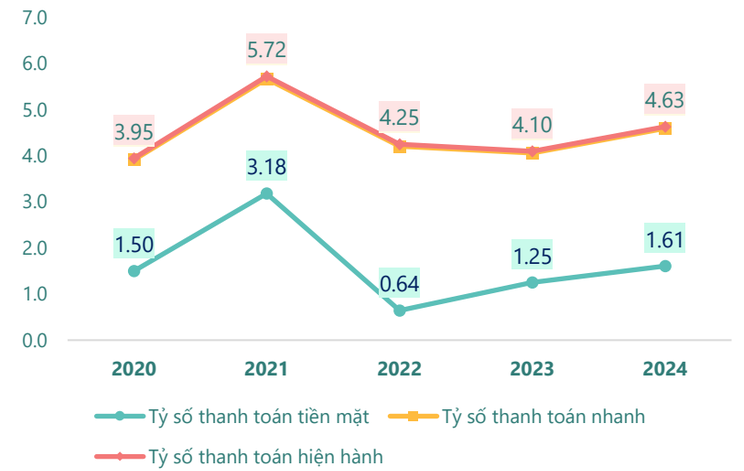
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



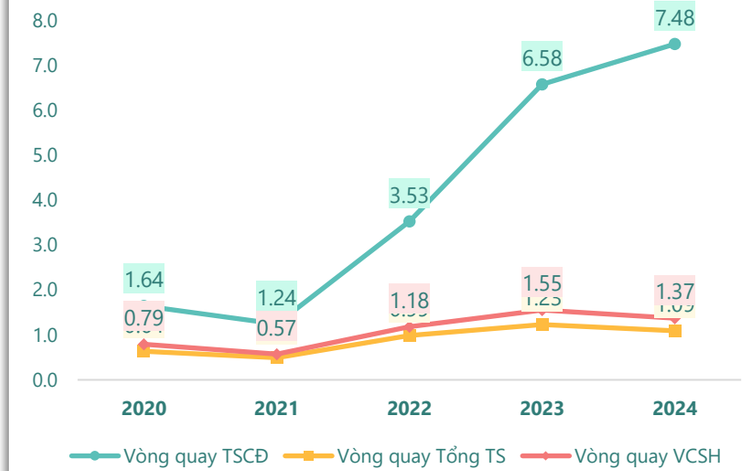
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



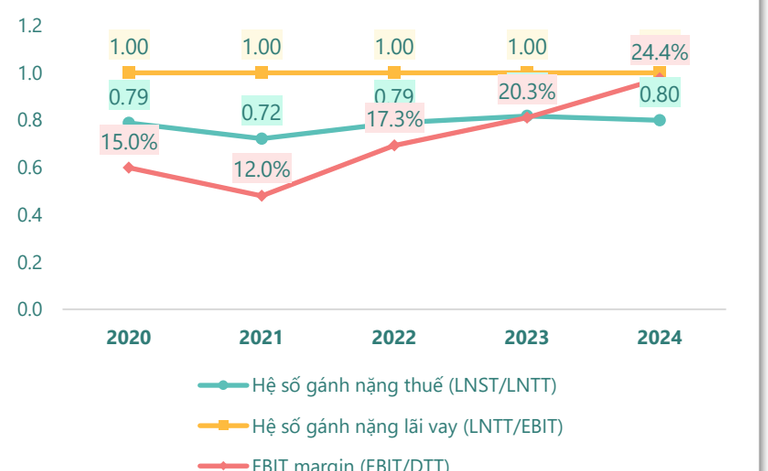
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



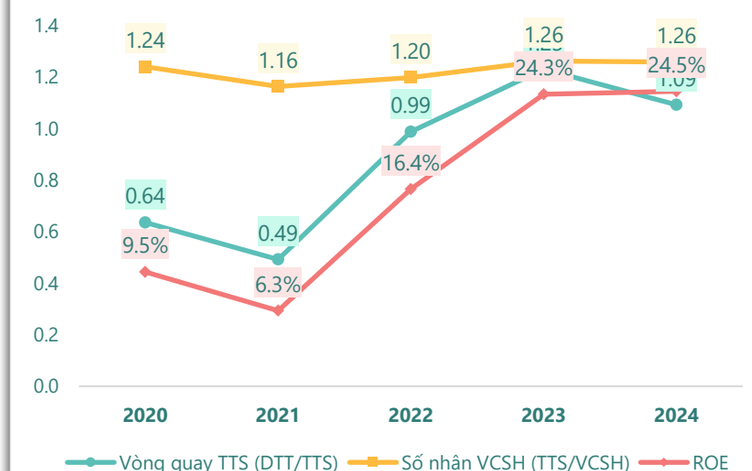
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



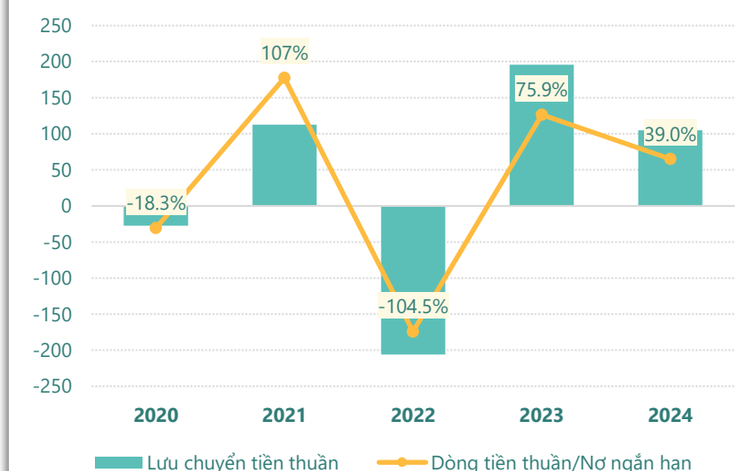
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**351**	**380**	**-7.7%**	**1,125**	**1,129**	**-0.3%**
Giá vốn hàng bán	251	252	-0.5%	774	759	2.0%
Lợi nhuận gộp	100	127	-21.1%	351	370	-5.0%
Doanh thu HĐTC	17.8	15.3	16.6%	48.3	40.7	18.5%
Chi phí TC	0.84	18.0	-95.4%	2.34	18.6	-87.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**61.5**	**33.4**	**84.2%**	**163**	**131**	**24.3%**
LN thuần từ HĐKD	55.7	91.0	-38.8%	234	261	-10.2%
Lợi nhuận khác	**0.33**	**0.36**	**-9.4%**	**0.56**	**1.41**	**-60.0%**
LN trước thuế	56.0	91.4	-38.7%	235	262	-10.4%
Lợi nhuận sau thuế	**43.2**	**73.0**	**-40.8%**	**185**	**210**	**-11.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**38.3**	**68.4**	**-43.9%**	**166**	**193**	**-14.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	119	153	160	114	73.5	-11.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.38	-230	-31.5	-122	-31.8	-139
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-83.8	0	0	71.3	-12.9
Tiền đầu kỳ	347	472	295	432	428	539
Lưu chuyển tiền thuần	**119**	**-161**	**128**	**-7.63**	**113**	**-164**
Ảnh hưởng tỷ giá	6.29	-16.0	9.45	3.45	-2.61	0.65
Tiền cuối kỳ	472	295	432	428	539	376

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,802**	**1,490**	**21.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,609	1,246	29.1%
Tiền và tương đương tiền	376	432	-13.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	887	597	48.6%
Phải thu ngắn hạn	324	199	63.2%
Hàng tồn kho	9.49	10.8	-12.2%
Tài sản ngắn hạn khác	12.3	7.00	76.2%
Tài sản dài hạn	**193**	**243**	**-20.6%**
Phải thu dài hạn	1.28	30.4	-95.8%
Tài sản cố định	164	196	-16.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.85	0.84	356%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**23.7**	**16.5**	**43.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	477	293	62.6%
Nợ ngắn hạn	**443**	**269**	**64.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.7	45.5	-76.4%
Nợ dài hạn	34.2	24.2	41.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,326**	**1,196**	**10.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,326**	**1,196**	**10.8%**
Vốn điều lệ	336	336	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)